

Tạp chí

ISSN 2354-0788

e-ISSN 3030-4407

KHOA HỌC QUẢN LÝ GIÁO DỤC

JOURNAL OF EDUCATIONAL MANAGEMENT SCIENCE

TRƯỜNG CÁN BỘ QUẢN LÝ GIÁO DỤC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

INSTITUTE OF EDUCATION MANAGEMENT IN HO CHI MINH CITY — MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING

Số đặc biệt

20/07/2025

TẠP CHÍ XUẤT BẢN
HAI THÁNG MỘT LẦN

Số đặc biệt
20/07/2025

TỔNG BIÊN TẬP
ĐINH THỊ KIM LOAN

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP
VŨ QUẢNG

ỦY VIÊN

PHAN THỊ THÚY QUYÊN

ĐINH THỊ KIM LOAN

VŨ ĐÌNH BẢY

NGUYỄN XUÂN TÊ

NGUYỄN THỊ MỸ LỘC

VŨ HỒNG HUY

PHẠM TUẤN ANH

TRẦN HUY HOÀNG

NGUYỄN BẢO QUỐC

TRẦN MINH HƯỜNG

NGUYỄN ĐẮC THANH

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN

CHAI CHING TAN

AGUSTINUS HERMINO SUPERMA PUTRA

TRÌNH BÀY VÀ THIẾT KẾ

NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG

MỤC LỤC

1. PHẠM THỊ TUYẾT MINH: Hợp tác công tư trong giáo dục ở Việt Nam tiềm năng và thách thức.....	1
2. LÊ HẢI YÊN - TRƯƠNG ĐÌNH TOÀN: Thực trạng quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học Trung tâm giáo dục Quốc phòng và an ninh - Đại học Huế.....	12
3. HỨA VĂN Ủ - MAI THỊ YẾN LAN - NGUYỄN THẾ TÙNG - NGUYỄN TRẦN THÙY TRANG: Thực trạng quản lý hoạt động tổ chuyên môn ở các trường trung học phổ thông thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	23
4. LÊ QUỐC VIỆT - PHAN THỊ TUYẾT NGÀ - CHEN CHENG-HU: Sự hiểu biết và sự tự tin khi sử dụng AI: Vai trò trung gian của ứng dụng công nghệ trong quá trình học tập của sinh viên kỹ thuật Đài Loan	33
5. NGUYỄN THỊ HỒNG MỸ: Thực trạng chăm sóc sức khỏe tâm thần cho sinh viên tại Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.....	44
6. LÊ THỊ LOAN - NGUYỄN THỊ NGỌC - DU THỐNG NHẤT: Biện pháp quản lý giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật ở các trường mầm non công lập tại quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	58
7. TRẦN VĂN TRUNG - VŨ XUÂN PHƯƠNG: Phát triển hoạt động nghiên cứu khoa học giáo dục của giảng viên: Nghiên cứu từ trường Đại học Thủ Dầu Một	69
8. LÊ THỊ MINH HẢI: Tổng quan nghiên cứu về phát triển đội ngũ giảng viên trường đại học tư thục trong bối cảnh đổi mới giáo dục	77
9. TRƯƠNG VĂN TUẤN - TRẦN THANH NGUYỄN: Nâng cao năng lực xử lý tình huống cho viên chức giáo vụ trường phổ thông	85
10. VŨ THỊ THẮNG - TRẦN THỊ HIỀN: Ứng dụng Trí tuệ nhân tạo trong quản lý giáo dục	96
11. BUI THỊ HOA: Các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng số của sinh viên trường Đại học Tài chính - Marketing	104
12. CHÂU THANH PHONG: Quản lý hoạt động bồi dưỡng năng lực giáo dục địa phương cho giáo viên ở các trường tiểu học Thành phố Hồ Chí Minh.....	114
13. PHẠM NGUYỄN PHÚC TOÀN: Hiệu quả vận dụng Gamification trong giảng dạy học phần “Giới thiệu ngành Công nghệ Thông tin” tại trường Đại học Công nghệ Thông tin	122
14. NGUYỄN ĐỨC HUÂN: Quản lý hoạt động đánh giá học sinh trong dạy học môn Tin học lớp 6 theo tiếp cận năng lực: Nghiên cứu ở một số trường trung học cơ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh	136
15. NGUYỄN THỊ THU: Nâng cao hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên ngành Âm nhạc trường Đại học Thủ Dầu Một.....	148
16. MAI VĂN XUÂN: Nghiên cứu về quản lý đào tạo nghề Điện công nghiệp tại các trường cao đẳng vùng Đồng bằng sông Hồng theo hướng gắn kết với doanh nghiệp	157
17. PHẠM THỊ ÁNH NGỌC: Xây dựng mô hình phát triển đội ngũ giảng viên Giáo dục nghề nghiệp ở các trường cao đẳng trong bối cảnh hội nhập quốc tế	167
18. THÁI DUY – NGUYỄN TIẾN ANH: Thực trạng dạy học quốc phòng và an ninh tại Trung tâm giáo dục Quốc phòng và An ninh - Đại học Huế.....	178
19. NGUYỄN THỊ NGỌC: Thực trạng gắn kết trách nhiệm với nhà trường của giảng viên trường Đại học Sài Gòn	187
20. CAO THỊ THÚY DIỄM – ĐINH THỊ KIM LOAN – LÊ THỊ HỒNG NHUNG: Phát triển chương trình bồi dưỡng ngắn hạn cho giáo viên phổ thông theo hướng tiếp cận CDIO	195
21. MAI ĐỨC THẮNG – TRẦN THỊ NHƯ MAI: Thực trạng quản lý thực hiện nội dung, hình thức và phương pháp tổ chức hoạt động thực hành trong dạy học môn Khoa học tự nhiên: Nguyên cứu trường hợp tại các trường trung học cơ sở tư thục ở Thành phố Hồ Chí Minh	203

TABLE OF CONTENTS

1. PHAM THI TUYET MINH: Public-private partnership in education in Vietnam potentials and challenges	1
2. LE HAI YEN - TRUONG DINH TOAN: Current status of management of scientific research activities within The center for national Defense and Security education at Hue University.....	12
3. HUA VAN U - MAI THI YEN LAN - NGUYEN THE TUNG – NGUYEN TRAN THUY TRANG: Current status of management of professional group activities in high schools in Soc Trang city, Soc Trang province.....	23
4. LE QUOC VIET - PHAN THI TUYET NGA - CHEN CHENG-HU: Ai literacy and ai self-efficacy: Technology adoption as a mediator for learning among Taiwanese engineering students.....	33
5. NGUYEN THI HONG MY: The current situation of mental health care for students at Vietnam national University Ho Chi Minh city	44
6. LE THI LOAN - NGUYEN THI NGOC - DU THONG NHAT: Management measures for inclusive education for children with disabilities in public preschools in district 1, Ho Chi Minh city	58
7. TRAN VAN TRUNG - VU XUAN PHUONG: Enhancing lecturers' engagement in educational research: A case study of Thu Dau Mot university	69
8. LE THI MINH HAI: Research on the development of private university teaching staff: An overview in the context of educational innovation.....	77
9. TRUONG VAN TUAN - TRAN THANH NGUYEN: Improving the capacity to handling situations for school teachers	85
10. VU THI THANG - TRAN THI HIEN: Application of Artificial intelligence in education management	96
11. BUI THI HOA: Factors influencing students' digital skills at the University of Finance and Marketing.....	104
12. CHAU THANH PHONG: Management of professional development activities aimed at enhancing local education competency among primary school teachers in Ho Chi Minh City.....	114
13. PHAM NGUYEN PHUC TOAN: Evaluating the effectiveness of Gamification in teaching the "Introduction to Information Technology" course at the University of Information Technology	122
14. NGUYEN DUC HUAN: Managing student assessment activities in teaching computer Science for grade 6 according to competency-based approach: A study at some secondary schools in Ho Chi Minh City	136
15. NGUYEN THI THU: Improving the effectiveness of scientific research among Music majors at Thu Dau Mot University.....	148
16. MAI VAN XUAN: Research on industrial electrical vocational training management at colleges in the Red river Delta region in the direction of cohesion with enterprises.....	157
17. PHAM THI ANH NGOC: Developing a model for the professional development of Vocational education lecturers at colleges in the context of international integration	167
18. THAI DUY – NGUYEN TIEN ANH: Current status of teaching national defense and security for students at The center for national Defense and Security education - Hue University	178
19. NGUYEN THI NGOC: The current state of responsibility connection with the school of lecturers at Saigon University.....	187
20. CAO THI THUY DIEM – DINH THI KIM LOAN – LE THI HONG NHUNG: Development of short-term training programs for high school teachers in the direction of the CDIO approach	195
21. MAI DUC THANG – TRAN THI NHU MAI: The current state of managing the implementation of content, format, and methods for organizing practical activities in natural science education: A case study of private middle.....	203

Journal of ISSN 2354-0788
e-ISSN 3030-4407

EDM
EDUCATIONAL MANAGEMENT SCIENCE

HEAD OFFICE: 07-09 NGUYEN BINH KHIEM
SAIGON WARD HO CHI MINH CITY
Tel: 028.39103869
Email: tapchikhqldg@iemh.edu.vn

**THIS JOURNAL IS ISSUED
ONCE TWO MONTHS**

Special edition
07 / 2025

EDITORIAL DIRECTOR

DINH THI KIM LOAN

CHAIRMAN OF EDITORIAL COUNCIL

VU QUANG

MEMBERS

PHAN THI THUY QUYEN

DINH THI KIM LOAN

VU DINH BAY

NGUYEN XUAN TE

NGUYEN THI MY LOC

VU HONG HUY

PHAM TUAN ANH

TRAN HUY HOANG

NGUYEN BAO QUOC

TRAN MINH HUONG

NGUYEN DAC THANH

NGUYEN THI PHUONG LAN

CHAI CHING TAN

AGUSTINUS HERMINO SUPERMA PUTRA

GRAPHIC DESIGN

NGUYEN THI THANH PHUONG

THỰC TRẠNG DẠY HỌC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH
CHO SINH VIÊN TẠI TRUNG TÂM GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG
VÀ AN NINH - ĐẠI HỌC HUẾ

CURRENT STATUS OF TEACHING NATIONAL DEFENSE AND SECURITY
FOR STUDENTS AT THE CENTER FOR NATIONAL DEFENSE
AND SECURITY EDUCATION HUE UNIVERSITY

THÁI DUY, NGUYỄN TIẾN ANH, tienanh060990@gmail.com
Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh - Đại học Huế.

THÔNG TIN	TÓM TẮT
Ngày nhận: 02/06/2025 Ngày nhận lại: 13/07/2025 Duyệt đăng: 18/7/2025 Mã số: TCKH-SĐBT7-2025-B18 ISSN: 2354 - 0788 Từ khóa: Quốc phòng và an ninh, giảng viên, sinh viên, thực trạng dạy học, trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh. Keywords: Defense and security, lecturers, students, teaching status, center for national defense and security education.	Trong những năm qua Trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh - Đại học Huế thực hiện giảng dạy chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh theo Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18/3/2020. Tuy nhiên, để đạt được mục tiêu giáo dục của chương trình trên rất cần tiếp tục đổi mới tất cả các thành tố của quá trình giáo dục, từ nội dung chương trình đến phương pháp giảng dạy, từ giảng viên đến cơ sở vật chất phục vụ cho dạy và học. Để có được định hướng đúng đắn cho quá trình đổi mới ấy rất cần có sự điều tra về thực trạng dạy học quốc phòng và an ninh cho sinh viên. Bài báo trình bày kết quả khảo sát thực trạng dạy học quốc phòng và an ninh cho sinh viên tại Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh - Đại học Huế qua một số nội dung. Kết quả khảo sát này là cơ sở để đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng dạy học quốc phòng và an ninh cho sinh viên tại Trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh - Đại học Huế. ABSTRACT In recent years, the Center for National Defense and Security Education - Hue University has been teaching the subject of National Defense and Security Education according to Circular No. 05/2020/TT-BGDĐT dated March 18, 2020. However, to achieve the educational goals of the above program, it is necessary to continue to innovate the educational process, from program content to teaching methods, from lecturers to teaching and learning facilities. To guide that innovation process in the right direction, it is necessary to investigate the current situation of teaching National Defense and Security to students. This article presents the results of a survey on the current situation of teaching National Defense and Security to students at the Center for National Defense and Security Education - Hue

University through a number of aspects. The results of this survey are the basis for proposing measures to improve the quality of teaching National Defense and Security to students at the Center for National Defense and Security Education - Hue University.

1. Đặt vấn đề

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng xác định: “Đào tạo con người theo hướng có đạo đức, kỷ luật, kỷ cương, ý thức trách nhiệm công dân, xã hội; có kỹ năng sống, kỹ năng làm việc, ngoại ngữ, công nghệ thông tin, công nghệ số, tư duy sáng tạo và hội nhập quốc tế”. Để thực hiện được nhiệm vụ đó, Đảng và Nhà nước phải tiến hành đồng bộ nhiều chủ trương, giải pháp. Trong đó, Giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQP&AN) cho toàn dân nói chung và lực lượng sinh viên (SV) nói riêng có vị trí rất quan trọng trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Công văn số 5986/BGDĐT-GDQPAN, ngày 30/9/2024 của Bộ GD-ĐT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ GDQP&AN năm học 2024-2025, nhấn mạnh: “Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên góp phần nâng cao chất lượng môn học giáo dục quốc phòng và an ninh”. Điều này cho thấy GDQP&AN hiện nay là chương trình đặc biệt quan trọng trong hệ thống chương trình giáo dục quốc dân trong việc trang bị kiến thức lý thuyết, rèn luyện kỹ năng thực hành liên quan đến Quốc phòng, An ninh, bảo vệ Tổ quốc và nâng cao khả năng thực hành quân sự đối phó với các tình huống an ninh trong cuộc sống, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong tình hình mới.

Trung tâm GDQP&AN - Đại học Huế là cơ sở GDQP&AN cho SV các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn thành phố Huế và các tỉnh miền Trung. Những năm qua Trung tâm đã quán triệt sâu sắc và tổ chức thực hiện tốt các Nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Luật GDQP&AN, thường xuyên đổi mới công tác giáo dục, đào tạo để

hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ GDQP&AN cho các đối tượng theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Trong thời gian qua công tác dạy học QP&AN đạt nhiều kết quả, trách nhiệm, thái độ học tập của sinh viên đối với môn học từng bước được nâng lên. Tuy nhiên bên cạnh đó vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế, bất cập như: Kết quả học tập, rèn luyện theo nội dung, chương trình GDQP&AN của SV còn thấp; hệ thống tài liệu, giáo trình dạy học còn hạn hẹp về thông tin khoa học, nặng về lý thuyết chưa chú trọng rèn luyện kỹ năng thực hành, rèn luyện động tác, tác phong quân sự cho SV; nội dung giáo án, bài giảng chưa thường xuyên được bổ sung, cập nhật chưa kịp thời các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Chính phủ, hướng dẫn của cấp trên về công tác GDQP&AN; hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học GDQP&AN chưa đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu của chương trình. Những vấn đề trên rất cần có sự đánh giá khách quan và toàn diện để có cơ sở thực tiễn cho việc đổi mới nhằm nâng cao chất lượng GDQP&AN tại Trung tâm.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái quát chung về khảo sát

Khách thể khảo sát: 38 Cán bộ quản lý (CBQL) và giảng viên (GV) của Trung tâm GDQP&AN - Đại học Huế; 350 SV tham gia học tập chương trình GDQP&AN ở các trường trực thuộc Đại học Huế.

Thời gian khảo sát: Từ tháng 3 đến tháng 5 năm 2025.

Phương pháp khảo sát: Chúng tôi tiến hành phát phiếu điều tra đến các đối tượng khảo sát nêu trên nhằm thu thập thông tin về vấn đề nghiên cứu.

Việc xây dựng và sử dụng phiếu điều tra được tiến hành theo các bước sau:

Bước 1: Trao đổi với các đối tượng khảo sát và

thành viên để hình thành phiếu điều tra lần thứ nhất.
 Bước 2: Soạn phiếu điều tra, chỉnh sửa bộ phiếu, tổ chức biên soạn bộ phiếu chính thức.
 Bước 3: Chọn mẫu và tổ chức khảo sát.
 Bước 4: Xử lí thông tin từ các phiếu điều tra theo phương pháp thống kê toán học (sử dụng phần mềm SPSS với số lượng, tỉ lệ % và điểm trung bình, độ lệch chuẩn).
 Phương pháp chính là điều tra bằng bảng hỏi. Bảng hỏi được thiết kế theo thang Likert 4 bậc tương ứng với 4 mức độ từ 1 đến 4, cụ thể ở mức độ thực hiện: 1= Không thực hiện; 2 = ít thực

hiện; 3 = Khá thường xuyên; 4 = Rất thường xuyên; Đối với kết quả thực hiện: 1 = Yếu; 2 = Trung bình; 3 = Khá; 4 = Tốt. Mức đánh giá theo khoảng điểm: 1,00 - 1,75: không thực hiện/yếu; 1,76 - 2,50: ít thực hiện/trung bình; 2,51 - 3,25: Khá thường xuyên/Khá; 3,26 - 4,00: Rất thường xuyên/Tốt. Quy ước trong bảng: ĐTB: Điểm trung bình; ĐLC: Độ lệch chuẩn.

2.2. Kết quả khảo sát
 2.2.1 Nhận thức, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên về tầm quan trọng đối với chương trình GDQP&AN

Bảng 2.1. Đánh giá của cán bộ quản lý, GV và SV về tầm quan trọng của việc nâng cao chất lượng GDQP&AN cho sinh viên

Mức độ	CBQL, GV		SV	
	SL	%	SL	%
Rất quan trọng	26	68,4	171	48,9
Khá quan trọng	8	21,1	126	36,0
Ít quan trọng	4	10,5	33	9,4
Không quan trọng	0	0.0	20	5,7
Tổng cộng	38	100,0	350	100,0

(Nguồn: Số liệu tổng hợp từ phiếu khảo sát)

Kết quả khảo sát thể hiện trong bảng 2.1 cho thấy đánh giá của CBQL, GV và SV về tầm quan trọng của việc nâng cao chất lượng GDQP&AN cho SV khá cao, đa phần đều cho rằng hoạt động nâng cao chất lượng GDQP&AN cho SV là “rất quan trọng” và “khá quan trọng”. Cụ thể, đối với GV có 26 GV cho rằng “rất quan trọng” và 8 người đánh giá “khá quan trọng”, đối với SV có 171 SV cho rằng “rất quan trọng” và 126 SV cho rằng “khá quan trọng”. Đây cũng là một điều dễ hiểu vì nâng cao chất lượng GDQP&AN cho SV là một hoạt động rất quan trọng giúp cho SV nắm vững các học phần

trong chương trình GDQP&AN đồng thời góp phần phát triển toàn diện về năng lực và phẩm chất cho SV. Ngoài ra, chương trình còn giúp cho SV hình thành các kĩ năng, kĩ xảo và thành thạo các động tác trên chiến trường. SV sau khi học xong chương trình GDQP&AN có hiểu biết cơ bản về chủ trương, đường lối Quốc phòng, An ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nền Quốc phòng toàn dân, An ninh nhân dân trong tình hình mới.
 2.2.2 Thực trạng về đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên giảng dạy chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh

Bảng 2.2 Đánh giá của cán bộ quản lý, GV và SV về số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia công tác giảng dạy chương trình GDQP&AN

Mức độ	CBQL, GV		SV	
	SL	%	SL	%
Rất phù hợp	2	5,3	18	5,1
Khá phù hợp	9	23,7	80	22,9
Ít phù hợp	21	55,3	183	52,3
Không phù hợp	6	15,8	69	19,7
Tổng cộng	38	100,0	350	100,0

(Nguồn: Số liệu tổng hợp từ phiếu khảo sát)

Qua bảng số liệu thu được từ bảng 2.2 về thực trạng đội ngũ CBQL và GV cho thấy phần lớn CBQL và GV đánh giá ở mức độ “ít phù hợp”, chiếm 53,3%. Bên cạnh đó có một số CBQL, GV đánh giá “rất phù hợp” chiếm 5,3%, số lượng đánh giá ít nhưng nó có ảnh hưởng lớn trong quá trình nghiên cứu. Như vậy ta thấy số lượng GV và CBQL sắp xếp chưa phù hợp nên chất lượng GDQP&AN chưa đạt kết quả tốt. Để

chất lượng GDQP&AN đạt kết quả tốt việc quan trọng nhất là đội ngũ GV phải đủ về số lượng và có chất lượng, để có chất lượng thì lực lượng này phải được đào tạo cơ bản, nâng cao trình độ của mình, đội ngũ GV là nguồn nhân lực quyết định chất lượng giáo dục trong mỗi nhà trường.

2.2.3 Thực trạng về nội dung và phương pháp giảng dạy chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh

Bảng 2.3. Đánh giá của cán bộ quản lý, GV và SV về thực trạng nội dung giảng dạy chương trình GDQP&AN

STT	Thực trạng nội dung giảng dạy chương trình GDQP&AN	Đánh giá của CBQL, GV				Đánh giá của SV			
		Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện		Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Học phần: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3.26	0.79	1.92	0.67	3.20	0.82	2.21	0.79
2	Học phần: Công tác Quốc phòng và an ninh	3.63	0.63	2.24	0.67	3.45	0.68	2.28	0.75
3	Học phần: Quân sự chung	3.50	0.68	2.18	0.65	3.52	0.65	2.30	0.74
4	Học phần: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	3.58	0.68	2.13	0.47	3.51	0.61	2.26	0.74

Chú thích: $1 \leq \text{ĐTB} \leq 4$ (Nguồn: Số liệu tổng hợp từ phiếu khảo sát)

Theo kết quả khảo sát tại bảng 2.3 cho thấy phần lớn CBQL, GV và SV cho rằng mức độ thực hiện “khá thường xuyên” và “rất thường xuyên” đối với việc thực hiện nội dung chương trình GDQP&AN với ĐTB dao động từ 3,26 điểm đến 3,63 điểm. Đối với CBQL và GV: Học phần công tác quốc phòng và an ninh mức độ thực hiện khá thường xuyên hơn so với các học phần khác với ĐTB = 3.63 điểm và kết quả thực hiện đạt tốt với ĐTB = 3.45 điểm. Học phần công tác QP&AN là một nội dung trong chương trình GDQP&AN, đây là một nội dung quan trọng trong việc giúp SV nhận thức được âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay trên cơ sở đó đấu tranh, phòng chống chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam, để giữ gìn an ninh chính trị và bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Đối với SV đánh giá rằng học phần Quân sự chung mức độ thực hiện rất thường xuyên hơn so với các học phần khác với ĐTB = 3.52 điểm và kết quả thực hiện với ĐTB = 2.30 điểm. Bên cạnh đó, đánh giá của sinh viên về học phần

Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam “ít thực hiện” hơn so với các học phần khác với ĐTB = 3.20 điểm và kết quả thực hiện đạt mức yếu với ĐTB = 2.21 điểm. Như vậy, CBQL và GV cần phải xem xét lại quá trình thực hiện nội dung của học phần xem còn vướng mắc ở chỗ nào để từ đó quá trình thực hiện học phần được thường xuyên và đạt kết quả tốt hơn.

Theo kết quả khảo sát tại bảng 2.4 cho thấy phần lớn CBQL, GV và SV đánh giá việc thực hiện phương pháp giảng dạy chương trình GDQP&AN ở mức độ thực hiện “ít thực hiện” và “khá thường xuyên” với ĐTB dao động từ 2,73 điểm đến 3,34 điểm. Đối với CBQL, GV và SV “Nhóm các phương pháp dạy học thực hành (luyện tập, thực hành sử dụng binh khí, kỹ thuật quân sự...) được đánh giá mức độ thực hiện thường xuyên hơn so với các nhóm phương pháp khác với ĐTB = 3.34 điểm (đối với CBQL, GV) và 3.32 điểm đối với SV. Bên cạnh đó “Nhóm các phương pháp sử dụng ngôn ngữ (thuyết trình, đàm thoại, sử dụng sách và tài liệu...) được CBQL, GV và SV được đánh giá là ít thực hiện với ĐTB dao động từ 2,73 điểm đến 2,74 điểm và kết quả thực hiện đạt từ 2,11 điểm (đối với CBQL, GV) đến 2,19 điểm (đối với SV).

Bảng 2.4. Đánh giá của cán bộ quản lý, GV và SV về thực trạng phương pháp giảng dạy chương trình GDQP&AN tại Trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh - Đại học Huế

STT	Thực trạng phương pháp giảng dạy chương trình GDQP&AN	Đánh giá của CBQL, GV				Đánh giá của SV			
		Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện		Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Nhóm các phương pháp sử dụng ngôn ngữ (thuyết trình, đàm thoại, sử dụng sách và tài liệu...)	2.74	0.89	2.11	0.76	2.73	0.93	2.19	0.85
2	Nhóm các phương pháp trực quan (trình bày trực quan, làm mẫu, quan sát...)	3.05	0.76	1.97	0.71	3.09	0.71	2.01	0.75
3	Nhóm các phương pháp dạy học thực hành (luyện tập, thực hành sử dụng binh khí, kỹ thuật quân sự...)	3.34	0.74	2.00	0.69	3.32	0.69	2.01	0.74

STT	Thực trạng phương pháp giảng dạy chương trình GDQP&AN	Đánh giá của CBQL, GV				Đánh giá của SV			
		Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện		Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
4	Nhóm các phương pháp kích thích hoạt động nhận thức (khởi động trí tuệ, đóng vai, tranh luận vấn đề học tập...)	3.11	0.76	2.16	0.82	3.31	0.69	1.98	0.83
5	Nhóm các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập (kiểm tra vấn đáp, kiểm tra viết, kiểm tra thực hành ...)	3.21	0.66	2.05	0.65	3.22	0.63	2.12	0.69

(Nguồn: Số liệu tổng hợp từ phiếu khảo sát)

Như vậy nhìn vào bảng khảo sát đánh giá của CBQL, GV và SV ta thấy rằng quá trình thực hiện các phương pháp chưa thật sự thường xuyên. Vì vậy cần phải thực hiện các phương pháp giảng dạy một cách thường xuyên hơn và sắp xếp các phương pháp một cách có hệ thống để quá trình giảng dạy đạt kết quả cao nhất. Bên cạnh đó kết quả thực hiện các phương pháp giảng dạy được CBQL, GV và SV đánh giá ở mức “yếu” với ĐTB dao động từ 1.97 điểm đến 2.19 điểm. Như vậy ta thấy rằng để có kết quả thực hiện các phương pháp tốt thì CBQL, GV cần phải sử dụng các nhóm

phương pháp phù hợp với nội dung bài học, phù hợp với trình độ, lứa tuổi và khả năng tiếp thu kiến thức của từng nhóm SV từ đó GV nắm bắt được các yếu tố về tâm lý, nhận thức và khả năng của từng SV và điều chỉnh các phương pháp giảng dạy nhằm đạt kết quả tốt nhất. Nếu chúng ta áp dụng một phương pháp cho nhiều đối tượng SV thì kết quả sẽ không đạt được như mong muốn và chất lượng đào tạo sẽ không cao.

2.2.4 Thực trạng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh

Bảng 2.5. Đánh giá của cán bộ quản lý, GV và SV về thực trạng cơ sở vật chất trang thiết bị dạy học chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh.

STT	Thực trạng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh	Đánh giá của CBQL, GV				Đánh giá của SV			
		Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện		Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	CSVC, trường lớp, cảnh quan, sân chơi, bãi tập... đáp ứng nhu cầu dạy học môn học GDQP&AN	2.68	0.96	2.11	0.79	2.68	0.92	2.35	0.92
2	CSVC, TBDH được đầu tư theo hướng hiện đại, phù hợp thực tiễn, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của dạy học	2.95	0.86	2.08	0.71	2.85	0.86	2.29	0.80
3	Công tác bổ sung, nâng cấp, sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ TBDH nhằm phục vụ cho môn học GDQP&AN	3.08	0.74	2.11	0.68	2.97	0.80	2.26	0.76

STT	Thực trạng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh	Đánh giá của CBQL, GV				Đánh giá của SV			
		Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện		Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
4	Sử dụng thư viện phục vụ môn học GDQP&AN đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, tham khảo của GV và SV	2.89	0.89	1.89	0.83	2.97	0.85	2.33	1.02
5	Phát huy các phương tiện kỹ thuật hiện đại phục vụ cho dạy học môn học GDQP&AN	2.97	0.75	2.37	0.78	2.96	0.80	2.41	0.80

(Nguồn: Số liệu tổng hợp từ phiếu khảo sát)

Kết quả khảo sát tại bảng 2.5 cho thấy phần lớn CBQL, GV và SV cho rằng mức độ thực hiện cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học là “khá thường xuyên” với ĐTB dao động từ 2.68 điểm đến 3.08 điểm. Trong đó nội dung “Công tác bổ sung, nâng cấp, sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ TBDH nhằm phục vụ cho môn học GDQP&AN” được CBQL, GV và SV đánh giá thực hiện thường xuyên hơn so với các nội dung khác với ĐTB = 3.08 điểm (đối với CBQL, GV) và ĐTB = 2.97 điểm (đối với SV). Đánh giá của CBQL, GV và SV về kết quả thực hiện cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đạt mức ‘trung bình’ với ĐTB dao động từ 1.89 điểm đến 2.41 điểm. Chương trình GDQP&AN là nội dung khá đặc thù, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học của chương trình được quy định trong 1 số văn bản cụ thể. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học là “mất xích” để gắn kết các nhân tố mục tiêu, nội dung, phương pháp đồng thời nó là điều kiện để thực hiện nguyên lý giáo dục “Học đi đôi với hành, lý luận gắn liền với thực tiễn”.

2.3. Một số vấn đề đặt ra từ kết quả khảo sát

Một là, đa số GV, CBQL và SV đã có nhận thức đúng đắn về vai trò và tầm quan trọng của chương trình GDQP&AN. Hầu hết CBQL và GV của trung tâm đều đánh giá thực trạng dạy học GDQP&AN ở mức độ khá thường xuyên và thường xuyên. Tuy nhiên, kết quả thực hiện đạt được phần lớn ở mức trung bình và khá. Bên cạnh đó, vẫn còn một số GV và SV chưa nhận

thức đúng về tầm quan trọng của chương trình GDQP&AN.

Hai là, rất cần có sự tuyển chọn đội ngũ GV đủ theo số lượng, đảm bảo chất lượng nhất là phải bảo đảm các tiêu chuẩn chuyên môn phù hợp với chuyên ngành của từng khoa trong đó chú trọng các khoa đặc thù và chuyên ngành. Đề cao vai trò chủ động của các Bộ môn, Khoa trong việc đánh giá, thẩm định tuyển chọn giảng viên và cần phải đạt được: Chuẩn về kiến thức chuyên môn; chuẩn về năng lực giảng dạy; chuẩn về năng lực nghiên cứu khoa học; chuẩn về năng lực quản lý; chuẩn về đạo đức nghề nghiệp. Cùng với đó việc sử dụng giảng viên phải mang tính chiến lược bao gồm cả việc sử dụng, bổ nhiệm trong hiện tại và cả định hướng sử dụng tiếp theo trong tương lai. Phát huy sự chủ động trong việc bố trí, sắp xếp, giao nhiệm vụ trực tiếp cho từng GV theo cách tiếp cận thông qua việc sử dụng GV phù hợp với năng lực, sở trường, hiệu quả công việc của từng GV. Trên cơ sở đánh giá, phân tích năng lực chuyên môn của đội ngũ GV để xác định nhu cầu và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nhằm bổ sung, hoàn thiện hệ thống kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, đáp ứng mục tiêu chiến lược phát triển của Trung tâm.

Ba là, việc thực hiện các nội dung chương trình GDQP&AN chưa được thường xuyên. Trong đó học phần Đường lối Quốc phòng và An ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam là nội

dung rất quan trọng. Qua học phần giúp cho sinh viên nắm và hiểu biết cơ bản về chủ trương, đường lối Quốc phòng, An ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nền Quốc phòng toàn dân, An ninh nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội. Học phần này có tác động lớn đến nhận thức SV về chương trình GDQP&AN, chính vì vậy việc tìm ra những điểm còn hạn chế để học phần này trở thành quan trọng trong SV là vấn đề cấp bách và cần thiết đối với CBQL và GV.

Bốn là, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học chưa được thường xuyên thực hiện. Cơ sở vật chất kỹ thuật dạy học có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc tạo khả năng xây dựng, hình thành, củng cố, hệ thống hóa vận dụng kiến thức vào thực tiễn, góp phần nâng cao năng lực sư phạm cho người dạy. Đồng thời, giúp GV và SV nâng cao khả năng hợp tác, tạo khả năng thực hành, củng cố kiến thức, rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo, bồi dưỡng khả năng tự học, tự chiếm lĩnh tri thức, cải tiến các hình thức lao động sư phạm một cách khoa học. Bên cạnh đó, phương tiện kỹ thuật còn làm tăng năng suất lao động sư phạm của người dạy và người học, giúp người dạy giảm nhẹ các thao tác sư phạm, rút ngắn được thời gian, trình bày bài giảng sâu sắc, sinh động và hiệu quả hơn. Cơ sở vật chất kỹ thuật dạy học có vị trí thường trực trong mọi hoạt động của nhà trường và đặc biệt là trong hoạt động dạy học (con đường giáo dục cơ bản nhất, chuẩn tắc nhất để thực hiện quá trình giáo dục tổng thể). Cơ sở vật chất là một bộ phận không thể thiếu được để thực hiện nội dung và thực hiện các phương pháp dạy học. Bởi vì cơ sở vật chất chứa đựng một phần nội dung

giáo dục - dạy học và có tác dụng giúp cho người dạy, người học lựa chọn và cải tiến các phương pháp dạy học, thực hiện mục đích của giáo dục và đào tạo góp phần nâng cao chất lượng dạy học.

3. Kết luận

GDQP&AN có vai trò quan trọng trong việc cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng và an ninh; những hiểu biết ban đầu về nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; truyền thống chống giặc ngoại xâm của dân tộc, lực lượng vũ trang nhân dân và nghệ thuật quân sự Việt Nam. Đây là cơ sở để giáo dục cho SV lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc; có ý thức cảnh giác với các âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch; có kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng và an ninh, công tác quản lý nhà nước về quốc phòng và an ninh. Kết quả khảo sát thực trạng cho thấy quá trình dạy học GDQP&AN tại Trung tâm GDQP&AN- đại học Huế bước đầu đã đạt những thành tựu nhất định nhưng cũng còn những hạn chế và nhiều vấn đề cần phải đặt ra. Trước những đòi hỏi ngày càng cao của tình hình cách mạng Việt Nam trong bối cảnh mới, quá trình dạy học GDQP&AN tại Trung tâm GDQP&AN- đại học Huế rất cần phải được đổi mới với hệ thống giải pháp toàn diện trên tất cả các yếu tố của quá trình dạy học nói chung. Ở từng yếu tố, kết quả nghiên cứu, đánh giá và khảo sát thực trạng trên đây được xem là một trong những cơ sở quan trọng trong việc đảm bảo tính khoa học và tính khả thi của từng giải pháp nhằm nâng cao chất lượng GDQP&AN cho SV tại Trung tâm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Giáo dục & Đào tạo. (2022). *Thông tư số 19/2022/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, trường cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.*

Bộ Giáo dục & Đào tạo. (2024). *Công văn số 5986/BGDĐT-GDQPAN, ngày 30/9/2024 của Bộ GD-ĐT về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục quốc phòng và an ninh năm học 2024-2025.*

Bộ Giáo dục & Đào tạo, Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. (2015). *Thông tư liên tịch số 123/2015/TTLT-BQP-BGDĐT-BLĐTBXH Quy định tổ chức, hoạt động của trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh; liên kết giáo dục quốc phòng và an ninh của các trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học*.

Bộ Giáo dục & Đào tạo. (2020). *Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18/3/2020 về Ban hành chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học*.

Đảng cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, NXb CTQG - sự thật, tập I, tr 233.

Thủ tướng chính phủ. (2023). *Quyết định số 1573/QĐ-TTg ngày 05/12/2023 về phê duyệt Quy hoạch hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.